



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126**

Add: 87-89, Hadingh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.04.21 /TN – 21

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED chiếu pha CP07 200W 4000K (90 độ)  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: CP07 200W  
Model
- Mã số mẫu: 24.04.21.21  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 21/ 04/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

Hanoi, Date of 04/ 05/ 2024

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư



  
Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>N <sub>0</sub> | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                 | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Yêu cầu<br>Requirement              | Kết quả<br>Result |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1                     | Phân loại đèn                                                                  |                | TCVN 10885-2-1                 |                                     |                   |
|                       | • Cấp bảo vệ chống điện giật                                                   |                | IEC 62722-2-1                  | --                                  | Cấp I             |
| 2                     | Khả năng chống bụi và ẩm                                                       |                | TCVN 7722-1                    |                                     |                   |
| 2.1                   | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP)                                    |                | IEC 60598-1                    | IP66                                | Đạt               |
| 2.2                   | Thử nghiệm chịu ẩm trong thời gian 48 h ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 % |                |                                | Không hư hỏng                       | Đạt               |
| 3                     | Khả năng cách điện và độ bền điện                                              |                |                                |                                     |                   |
| 3.1                   | Điện trở cách điện                                                             |                |                                |                                     |                   |
|                       | • Giữa các phần mang điện và phần kim loại                                     | MΩ             |                                | ≥ 2,0                               | > 10              |
| 3.2                   | Độ bền điện                                                                    |                |                                |                                     |                   |
|                       | • Giữa các phần mang điện và phần kim loại                                     |                |                                | Không bị phóng điện hoặc đánh thủng | Đạt               |
|                       | 1 440 V/ 1 min                                                                 |                |                                |                                     |                   |
| 4                     | Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz                        |                |                                |                                     |                   |
| 4.1                   | Công suất tiêu thụ                                                             | W              |                                | ≤ 200 + 10%                         | 194,5             |
| 4.2                   | Dòng điện tiêu thụ                                                             | mA             |                                | --                                  | 900,3             |
| 4.3                   | Hệ số công suất                                                                |                |                                | ≥ 0,95 – 0,05                       | 0,982             |
| 4.4                   | Quang thông                                                                    | lm             |                                | ≥ 27 000 – 10 %                     | 27 281            |
| 4.5                   | Hiệu suất phát sáng                                                            | lm/W           |                                | ≥ 135 – 20 %                        | 140,3             |
| 4.6                   | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                  |                |                                | --                                  | 4 058             |
| 4.7                   | Hệ số trả màu (CRI)                                                            |                |                                | ≥ 70                                | 75,2              |
| 5                     | Thử nghiệm chịu xung sét 6 kV                                                  |                |                                | Không hư hỏng                       | Đạt               |
| 6                     | Thử nghiệm chịu va đập cơ học IK08                                             |                |                                | Không hư hỏng                       | Đạt               |